

SỐ LIỆU XÉT DUYỆT QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH
Năm 2023

Đơn vị: Trung tâm Y tế huyện Yên Mô
Chương: 423

Phần I - TỔNG HỢP TÌNH HÌNH KINH PHÍ

Đơn vị tính: Đồng

Chi tiêu	Nội dung	Tổng số			Loại: Tổng hợp		
					Tổng loại: Tổng hợp		
		Số báo cáo	Số xét duyệt	Chênh lệch	Số báo cáo	Số xét duyệt	Chênh lệch
A	B	1	2	3=2-1	4	5	6=5-4
	NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC						
	NGUỒN NGÂN SÁCH TRONG NƯỚC						
01	Số dư kinh phí năm trước chuyển sang (01=02+05)	448.583.000	448.583.000		448.583.000	448.583.000	
02	Kinh phí thường xuyên/tự chủ (02=03+04)						
03	- Kinh phí đã nhận						
04	- Dự toán còn dư ở Kho bạc						
05	Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ (05=06+07)	448.583.000	448.583.000		448.583.000	448.583.000	
06	- Kinh phí đã nhận						

Chi tiêu	Nội dung	Tổng số			Loại: Tổng hợp		
					Tổng loại: Tổng hợp		
		Số báo cáo	Số xét duyệt	Chênh lệch	Số báo cáo	Số xét duyệt	Chênh lệch
A	B	1	2	3=2-1	4	5	6=5-4
07	- Dự toán còn dư ở Kho bạc	448.583.000	448.583.000		448.583.000	448.583.000	
08	Dự toán được giao trong năm (08=09+10)	33.773.695.031	33.773.695.031		33.773.695.031	33.773.695.031	
09	- Kinh phí thường xuyên/tự chủ	31.475.894.000	31.475.894.000		31.475.894.000	31.475.894.000	
10	- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ	2.297.801.031	2.297.801.031		2.297.801.031	2.297.801.031	
11	Tổng số được sử dụng trong năm (11=12+13)	34.222.278.031	34.222.278.031		34.222.278.031	34.222.278.031	
12	- Kinh phí thường xuyên/tự chủ (12=02+09)	31.475.894.000	31.475.894.000		31.475.894.000	31.475.894.000	
13	- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ (13=05+10)	2.746.384.031	2.746.384.031		2.746.384.031	2.746.384.031	
14	Kinh phí thực nhận trong năm (14=15+16)	34.222.278.031	34.222.278.031		34.222.278.031	34.222.278.031	
15	- Kinh phí thường xuyên/tự chủ	31.475.894.000	31.475.894.000		31.475.894.000	31.475.894.000	
16	- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ	2.746.384.031	2.746.384.031		2.746.384.031	2.746.384.031	
17	Kinh phí đề nghị quyết toán (17=18+19)	34.222.278.031	34.222.278.031		34.222.278.031	34.222.278.031	
18	- Kinh phí thường xuyên/tự chủ	31.475.894.000	31.475.894.000		31.475.894.000	31.475.894.000	
19	- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ	2.746.384.031	2.746.384.031		2.746.384.031	2.746.384.031	
20	Kinh phí giảm trong năm (20=21+25)						
21	Kinh phí thường xuyên/tự chủ (21=22+23+24)						

Chỉ tiêu	Nội dung	Tổng số			Loại: Tổng hợp		
					Tổng loại: Tổng hợp		
		Số báo cáo	Số xét duyệt	Chênh lệch	Số báo cáo	Số xét duyệt	Chênh lệch
A	B	1	2	3=2-1	4	5	6=5-4
22	- Đã nộp NSNN						
23	- Còn phải nộp NSNN (23=03+15-18-22-31)						
24	- Dự toán bị huỷ (24=04+09-15-32)						
25	Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ (25=26+27+28)						
26	- Đã nộp NSNN						
27	- Còn phải nộp NSNN (27=06+16-19-26-34)						
28	- Dự toán bị huỷ (28=07+10-16-35)						
29	Số dư kinh phí được phép chuyển sang năm sau sử dụng và quyết toán (29=30+33)						
30	Kinh phí thường xuyên/tự chủ (30=31+32)						
31	- Kinh phí đã nhận						
32	- Dự toán còn dư ở Kho bạc						
33	Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ (33=34+35)						
34	- Kinh phí đã nhận						
35	- Dự toán còn dư ở Kho bạc						
	NGUỒN VỐN VIỆN TRỢ						

Chỉ tiêu	Nội dung	Tổng số			Loại: Tổng hợp		
					Tổng loại: Tổng hợp		
		Số báo cáo	Số xét duyệt	Chênh lệch	Số báo cáo	Số xét duyệt	Chênh lệch
A	B	1	2	3=2-1	4	5	6=5-4
36	Số dư kinh phí năm trước chuyển sang						
37	Dự toán được giao trong năm						
38	Tổng kinh phí đã nhận viện trợ trong năm (38=39+40)						
39	- Số đã ghi thu, ghi tạm ứng						
40	- Số đã ghi thu, ghi chi						
41	Kinh phí được sử dụng trong năm (41=36+38)						
42	Kinh phí đề nghị quyết toán						
43	Số dư kinh phí được phép chuyển sang năm sau sử dụng và quyết toán (43=41-42)						
	NGUỒN VAY NỢ NƯỚC NGOÀI						
44	Số dư kinh phí năm trước chuyển sang (44=45+46)						
45	- Kinh phí đã ghi tạm ứng						
46	- Số dư dự toán						
47	Dự toán được giao trong năm						
48	Tổng số được sử dụng trong năm (48=44+47)						
49	Tổng kinh phí đã vay trong năm (49=50+51)						

Chi tiêu	Nội dung	Tổng số			Loại: Tổng hợp		
					Tổng loại: Tổng hợp		
		Số báo cáo	Số xét duyệt	Chênh lệch	Số báo cáo	Số xét duyệt	Chênh lệch
A	B	1	2	3=2-1	4	5	6=5-4
50	- Số đã ghi vay, ghi tạm ứng NSNN						
51	- Số đã ghi vay, ghi chi NSNN						
52	Kinh phí đơn vị đã sử dụng đề nghị quyết toán						
53	Kinh phí giảm trong năm (53=54+55+56)						
54	- Đã nộp NSNN						
55	- Còn phải nộp NSNN (55= 45+49-52-54-58)						
56	- Dự toán bị hủy (56= 46+47-49-59)						
57	Kinh phí được phép chuyển sang năm sau sử dụng và quyết toán (57= 58+59)						
58	- Kinh phí đã ghi tạm ứng						
59	- Số dự dự toán						
60	Số đã giải ngân, rút vốn chưa hạch toán NSNN						
	NGUỒN PHÍ ĐƯỢC KHẤU TRỪ ĐỂ LẠI						
61	Số dư kinh phí chưa sử dụng năm trước chuyển sang (61=62+63)						
62	- Kinh phí thường xuyên/tự chủ						
63	- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ						

Chỉ tiêu	Nội dung	Tổng số			Loại: Tổng hợp		
					Tổng loại: Tổng hợp		
		Số báo cáo	Số xét duyệt	Chênh lệch	Số báo cáo	Số xét duyệt	Chênh lệch
A	B	1	2	3=2-1	4	5	6=5-4
64	Dự toán được giao trong năm (64=65+66)						
65	- Kinh phí thường xuyên/tự chủ						
66	- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ						
67	Số thu được trong năm (67=68+69)						
68	- Kinh phí thường xuyên/tự chủ						
69	- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ						
70	Tổng số kinh phí được sử dụng trong năm (70=71+72)						
71	- Kinh phí thường xuyên/tự chủ (71=62+68)						
72	- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ (72=63+69)						
73	Số kinh phí đã sử dụng đề nghị quyết toán (73=74+75)						
74	- Kinh phí thường xuyên/tự chủ						
75	- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ						
76	Số dư kinh phí được phép chuyển sang năm sau sử dụng và quyết toán (76=77+78)						
77	- Kinh phí thường xuyên/tự chủ (77=71-74)						
78	- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ (78=72-75)						

Chỉ tiêu	Nội dung	Tổng số			Loại: Tổng hợp		
					Tổng loại: Tổng hợp		
		Số báo cáo	Số xét duyệt	Chênh lệch	Số báo cáo	Số xét duyệt	Chênh lệch
A	B	1	2	3=2-1	4	5	6=5-4
	NGUỒN HOẠT ĐỘNG KHÁC ĐƯỢC ĐỀ LẠI						
79	Số dư kinh phí chưa sử dụng năm trước chuyển sang (79=80+81)						
80	- Kinh phí thường xuyên/tự chủ						
81	- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ						
82	Dự toán được giao trong năm (82=83+84)						
83	- Kinh phí thường xuyên/tự chủ						
84	- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ						
85	Số thu được trong năm (85=86+87)						
86	- Kinh phí thường xuyên/tự chủ						
87	- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ						
88	Tổng số kinh phí được sử dụng trong năm (88=89+90)						
89	- Kinh phí thường xuyên/tự chủ (89=80+86)						
90	- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ (90=81+87)						
91	Số kinh phí đã sử dụng đề nghị quyết toán (91=92+93)						
92	- Kinh phí thường xuyên/tự chủ						

Chỉ tiêu	Nội dung	Tổng số			Loại: Tổng hợp		
					Tổng loại: Tổng hợp		
		Số báo cáo	Số xét duyệt	Chênh lệch	Số báo cáo	Số xét duyệt	Chênh lệch
A	B	1	2	3=2-1	4	5	6=5-4
93	- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ						
94	Số dư kinh phí được phép chuyển sang năm sau sử dụng và quyết toán (94=95+96)						
95	- Kinh phí thường xuyên/tự chủ (95=89-92)						
96	- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ (96=90-93)						

Chi tiêu	Nội dung	Loại: Tổng hợp					
		Khoản: Tổng hợp					
		Số báo cáo	Số xét duyệt	Chênh lệch			
A	B	7	8	9=8-7			
	NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC						
	NGUỒN NGÂN SÁCH TRONG NƯỚC						
01	Số dư kinh phí năm trước chuyển sang (01=02+05)	448.583.000	448.583.000				
02	Kinh phí thường xuyên/tự chủ (02=03+04)						
03	- Kinh phí đã nhận						
04	- Dự toán còn dư ở Kho bạc						
05	Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ (05=06+07)	448.583.000	448.583.000				
06	- Kinh phí đã nhận						
07	- Dự toán còn dư ở Kho bạc	448.583.000	448.583.000				
08	Dự toán được giao trong năm (08=09+10)	33.773.695.031	33.773.695.031				
09	- Kinh phí thường xuyên/tự chủ	31.475.894.000	31.475.894.000				
10	- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ	2.297.801.031	2.297.801.031				
11	Tổng số được sử dụng trong năm (11=12+13)	34.222.278.031	34.222.278.031				
12	- Kinh phí thường xuyên/tự chủ (12=02+09)	31.475.894.000	31.475.894.000				
13	- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ (13=05+10)	2.746.384.031	2.746.384.031				
14	Kinh phí thực nhận trong năm (14=15+16)	34.222.278.031	34.222.278.031				

Chỉ tiêu	Nội dung	Loại: Tổng hợp					
		Khoản: Tổng hợp					
		Số báo cáo	Số xét duyệt	Chênh lệch			
A	B	7	8	9=8-7			
15	- Kinh phí thường xuyên/tự chủ	31.475.894.000	31.475.894.000				
16	- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ	2.746.384.031	2.746.384.031				
17	Kinh phí đề nghị quyết toán (17=18+19)	34.222.278.031	34.222.278.031				
18	- Kinh phí thường xuyên/tự chủ	31.475.894.000	31.475.894.000				
19	- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ	2.746.384.031	2.746.384.031				
20	Kinh phí giảm trong năm (20=21+25)						
21	Kinh phí thường xuyên/tự chủ (21=22+23+24)						
22	- Đã nộp NSNN						
23	- Còn phải nộp NSNN (23=03+15-18-22-31)						
24	- Dự toán bị huỷ (24=04+09-15-32)						
25	Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ (25=26+27+28)						
26	- Đã nộp NSNN						
27	- Còn phải nộp NSNN (27=06+16-19-26-34)						
28	- Dự toán bị huỷ (28=07+10-16-35)						
29	Số dư kinh phí được phép chuyển sang năm sau sử dụng và quyết toán (29=30+33)						

Chi tiêu	Nội dung	Loại: Tổng hợp					
		Khoản: Tổng hợp					
		Số báo cáo	Số xét duyệt	Chênh lệch			
A	B	7	8	9=8-7			
30	Kinh phí thường xuyên/tự chủ (30=31+32)						
31	- Kinh phí đã nhận						
32	- Dự toán còn dư ở Kho bạc						
33	Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ (33=34+35)						
34	- Kinh phí đã nhận						
35	- Dự toán còn dư ở Kho bạc						
	NGUỒN VỐN VIỆN TRỢ						
36	Số dư kinh phí năm trước chuyển sang						
37	Dự toán được giao trong năm						
38	Tổng kinh phí đã nhận viện trợ trong năm (38=39+40)						
39	- Số đã ghi thu, ghi tạm ứng						
40	- Số đã ghi thu, ghi chi						
41	Kinh phí được sử dụng trong năm (41=36+38)						
42	Kinh phí đề nghị quyết toán						
43	Số dư kinh phí được phép chuyển sang năm sau sử dụng và quyết toán (43=41-42)						

Chi tiêu	Nội dung	Loại: Tổng hợp					
		Khoản: Tổng hợp					
		Số báo cáo	Số xét duyệt	Chênh lệch			
A	B	7	8	9=8-7			
	NGUỒN VAY NỢ NƯỚC NGOÀI						
44	Số dư kinh phí năm trước chuyển sang (44=45+46)						
45	- Kinh phí đã ghi tạm ứng						
46	- Số dư dự toán						
47	Dự toán được giao trong năm						
48	Tổng số được sử dụng trong năm (48=44+47)						
49	Tổng kinh phí đã vay trong năm (49=50+51)						
50	- Số đã ghi vay, ghi tạm ứng NSNN						
51	- Số đã ghi vay, ghi chi NSNN						
52	Kinh phí đơn vị đã sử dụng đề nghị quyết toán						
53	Kinh phí giảm trong năm (53=54+55+56)						
54	- Đã nộp NSNN						
55	- Còn phải nộp NSNN (55= 45+49-52-54-58)						
56	- Dự toán bị hủy (56= 46+47-49-59)						
57	Kinh phí được phép chuyển sang năm sau sử dụng và quyết toán (57= 58+59)						
58	- Kinh phí đã ghi tạm ứng						

Chi tiêu	Nội dung	Loại: Tổng hợp					
		Khoản: Tổng hợp					
		Số báo cáo	Số xét duyệt	Chênh lệch			
A	B	7	8	9=8-7			
59	- Số dư dự toán						
60	Số đã giải ngân, rút vốn chưa hạch toán NSNN						
	NGUỒN PHÍ ĐƯỢC KHẤU TRỪ ĐỂ LẠI						
61	Số dư kinh phí chưa sử dụng năm trước chuyển sang (61=62+63)						
62	- Kinh phí thường xuyên/tự chủ						
63	- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ						
64	Dự toán được giao trong năm (64=65+66)						
65	- Kinh phí thường xuyên/tự chủ						
66	- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ						
67	Số thu được trong năm (67=68+69)						
68	- Kinh phí thường xuyên/tự chủ						
69	- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ						
70	Tổng số kinh phí được sử dụng trong năm (70=71+72)						
71	- Kinh phí thường xuyên/tự chủ (71=62+68)						
72	- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ (72=63+69)						

Chỉ tiêu	Nội dung	Loại: Tổng hợp					
		Khoản: Tổng hợp					
		Số báo cáo	Số xét duyệt	Chênh lệch			
A	B	7	8	9=8-7			
73	Số kinh phí đã sử dụng đề nghị quyết toán (73=74+75)						
74	- Kinh phí thường xuyên/tự chủ						
75	- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ						
76	Số dư kinh phí được phép chuyển sang năm sau sử dụng và quyết toán (76=77+78)						
77	- Kinh phí thường xuyên/tự chủ (77=71-74)						
78	- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ (78=72-75)						
	NGUỒN HOẠT ĐỘNG KHÁC ĐƯỢC ĐỂ LẠI						
79	Số dư kinh phí chưa sử dụng năm trước chuyển sang (79=80+81)						
80	- Kinh phí thường xuyên/tự chủ						
81	- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ						
82	Dự toán được giao trong năm (82=83+84)						
83	- Kinh phí thường xuyên/tự chủ						
84	- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ						
85	Số thu được trong năm (85=86+87)						
86	- Kinh phí thường xuyên/tự chủ						

Chi tiêu	Nội dung	Loại: Tổng hợp					
		Khoản: Tổng hợp					
		Số báo cáo	Số xét duyệt	Chênh lệch			
A	B	7	8	9=8-7			
87	- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ						
88	Tổng số kinh phí được sử dụng trong năm (88=89+90)						
89	- Kinh phí thường xuyên/tự chủ (89=80+86)						
90	- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ (90=81+87)						
91	Số kinh phí đã sử dụng đề nghị quyết toán (91=92+93)						
92	- Kinh phí thường xuyên/tự chủ						
93	- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ						
94	Số dư kinh phí được phép chuyển sang năm sau sử dụng và quyết toán (94=95+96)						
95	- Kinh phí thường xuyên/tự chủ (95=89-92)						
96	- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ (96=90-93)						